

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày 06 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Thiện

Ông Nguyễn Văn Sâm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024;

Đối với các bị cáo:

1. **Đặng Hữu V**, sinh ngày 06/10/1996 tại: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Hữu L và bà Lê Thị O; Có vợ là Lê Thị D và 02 con;

Tiền án:

- Ngày 12/4/2016, bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 04/11/2016 chấp hành xong phần hình phạt, chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

- Ngày 31/10/2018, bị TAND huyện Như Thanh xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, phạt bổ sung 5.000.000 đồng. Ngày 02/10/2019 chấp hành xong phần hình phạt, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm, chưa chấp hành xong việc nộp tiền phạt bổ sung.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 15/10/2023, chuyển tạm giam từ ngày 24/10/2023 đến nay; Có mặt.

2. **Lê Văn C**, sinh ngày 16/5/1991 tại: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T và bà Hoàng Thị B; Có vợ là Nguyễn Thị M và 03 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ ngày 15/10/2023, chuyển tạm giam từ ngày 24/10/2023 đến nay; Có mặt.

3. **Lê Văn D1**, sinh ngày 03/8/1988 tại: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D2 (đã chết) và bà Lê Thị T1; Có vợ là Đinh Thị H và 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ ngày 15/10/2023, chuyển tạm giam từ ngày 24/10/2023 đến nay; Có mặt.

- *Người làm chứng*: Phan Xuân H1, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn I, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- *Người chứng kiến*:

1. Ông Ngô Xuân P, sinh năm 1960, địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị Khánh H2, sinh năm 1996, địa chỉ: Khu phố X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 14 giờ 20 phút ngày 15/10/2023, Công an thị trấn L, huyện T đang làm nhiệm vụ tại khu vực cầu M thuộc khu phố A, thị trấn L, huyện T thì phát hiện Lê Văn C (sinh năm 1991) và Đặng Hữu V (sinh năm 1996), cùng trú tại thôn C, xã T, huyện T có biểu hiện nghi vấn. Qua kiểm tra, phát hiện C đang cất giấu một gói giấy bạc, bên trong chứa chất bột màu trắng ngà, dạng cục. C khai nhận chất bột trên là ma túy, loại Heroine đang cất giấu để bán kiếm lời. Công an thị trấn L đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong ma túy trong phong bì ký hiệu M1. Thu của C: 01 điện thoại nhãn hiệu IteL, bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0372.586.845; 01 ví vải màu đen nhãn hiệu Puma. Thu của V: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus, bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0979.079.354; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 36B8-280.52. Cùng ngày, Công an thị trấn L báo cáo Cơ quan CQĐT Công an huyện T.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của C và V tại thôn C,

xã T, huyện T nhưng không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra đã xác định: Khoảng 09 giờ ngày 15/10/2023, Phan Xuân H1 (sinh năm 1972, trú tại thôn I, xã T, huyện T) sử dụng số điện thoại 0961.357.572 gọi đến số 0372.586.845 của C hỏi mua 500.000 đồng ma túy, loại heroine. C đồng ý nhưng không có sẵn ma túy, nên nói với H1: “*Chắc đến trưa mới có*”. Sau đó, C gọi đến số 0814.027.752 của Lê Văn D1 (sinh năm 1988, trú tại thôn N, xã T, huyện T) để nhờ D1 mua giúp ma túy, thì D1 đồng ý. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, do không có xe nên C gọi đến số 0979.079.354 của V để nhờ V chở C đi mua ma túy. V đồng ý và chạy xe đến đón C. Trong lúc chờ V, C gọi cho D1 nói: “*Nhờ anh lấy giúp cho em một triệu tiền đồ*” (tức mua 1.000.000 đồng tiền ma túy, loại heroine). D1 đồng ý và hẹn C ở khu vực công trường Trung học phổ thông T4. Sau đó, D1 gọi đến số 0817.283.369, theo lời khai của D1 là số điện thoại của Hàn Anh T2 (sinh năm 1974, trú tại số nhà G, phố T, phường Đ, thành phố T) hỏi mua ma túy. T2 đồng ý và hẹn gặp ở khu vực cầu bắc qua sông C thuộc xã T, huyện T.

Khi C và V đến nơi hẹn gặp D1 thì thấy D1 đi cùng một nam thanh niên tên T3. C đưa cho D1 số tiền 1.000.000 đồng và nói: “*Nhờ anh đi lấy cho em ít đồ*” và bảo V chở D1 đi. C và T3 đi theo sau. V điều khiển xe theo sự chỉ dẫn của Duẩn đến công trường đang xây dựng thuộc xã T, huyện T. D1 bảo V dừng lại trên đường đê, D1 đi một mình vào gặp T2 và đưa số tiền 1.000.000 đồng. T2 nói với D1 đi lại chiếc xe tải cuối cùng lấy ma túy. Duẩn đi lại tìm được gói ma túy và đi ra gặp V để về khu vực cầu H thuộc thị trấn T để gặp C và T3. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, D1 và V đến nơi hẹn gặp C và T3. C nói cả nhóm xuống khu vực nghĩa địa vắng người. Duẩn gặp riêng, đưa gói ma túy cho C, C mở ra chia cho D1 một ít ma túy để trả công. Sau đó, D1 nhờ T3 chở về nhà và D1 đã sử dụng ma túy một mình hết. C ở lại lấy một phần ma túy và sử dụng. V thấy C đang trong tình trạng phê ma túy, nên cũng tự lấy một phần ma túy để sử dụng.

Sau đó, C muốn lên thị trấn L để bán ma túy cho H1 nên nói với V: “*Em chở anh lên cầu M để bán ít đồ cho ông anh*” (tức đi bán ma túy). V biết C đi bán ma túy và C có hứa sẽ cho tiền đồ xăng, nên đồng ý. Trên đường đi, V hỏi C: “*Anh giao ma túy cho ai*”, C trả lời: “*Anh giao ma túy cho ông anh*”. Khi đi qua cầu M sang phía L, V vào quán nước gần đó ngồi đợi C. C đi bộ ra giữa cầu, định chia một phần ma túy để chờ bán cho H1 thì bị bắt quả tang. Lúc sau, H1 đến nơi hẹn nhưng không gặp được C nên quay về.

Qua lời khai của D1, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Hàn Anh T2 theo quy định. Khi thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp, Cơ quan điều tra phát hiện T2 đang ở đường Y, phường Đ, thành phố T. Khi thấy lực lượng Công an, T2 ném từ trong tay 01 gói giấy màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng ngà, dạng cục vụn xuống mặt đường nhựa. Cơ quan điều tra đã thu giữ và niêm phong trong phong bì ký hiệu M2. Quá trình làm việc, T2 khai nhận: Ngày 15/10/2023, D1 có gọi điện cho T2 để hỏi mua ma túy nhưng T2 không có ma túy, không gặp và bán ma túy cho D1. Cơ quan điều tra đã tiến hành

kiểm tra điện thoại của D1 và T2; xác minh tại công trình đang xây dựng cầu bắc qua sông C ở xã T huyện T; tiến hành đối chất giữa D1 và T2 nhưng không chứng minh được việc T2 bán ma túy cho D1.

Đối với chất ma túy thu giữ được của Lê Văn C, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định theo quy định. Tại Kết luận giám định số 3824/KL-KTHS ngày 20/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chất bột màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,132g, loại Heroine.

Đối với chất ma túy thu giữ được của Hàn Anh T2. Tại Kết luận giám định số 3868/KL-KTHS ngày 24/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,031g, loại Heroine. T2 khai mua chất ma túy với mục đích sử dụng. Bản thân T2 chưa có tiền án, tiền sự; khối lượng chất ma túy thu giữ là dưới 0,1g, nên hành vi của T2 chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T2 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với nguồn gốc số ma túy của T2 bị thu giữ khi khám xét khẩn cấp. T2 khai báo mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực đường vắng gần Bệnh viện Đ ở phường Đ, thành phố T với giá 200.000 đồng, mục đích để sử dụng. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, rà soát camera an ninh tại khu vực T2 mua ma túy, nhưng không có kết quả về người đàn ông bán ma túy cho T2.

Đối với Phan Xuân H1 có hành vi thỏa thuận mua ma túy của C, nhưng H1 chưa mua được ma túy thì C đã bị bắt. Bản thân Chính cũng chưa phân rõ số lượng ma túy sẽ bán cho H1 là bao nhiêu, C cũng chưa nhận tiền từ H1, nên không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với H1.

Đối với nam thanh niên tên T3. Dẫn khai chỉ biết tên và địa chỉ ở thị trấn N, huyện T. Qua xác minh tại địa phương không có người tên T3 như D1 khai báo. Quá trình điều tra, D1, C và V đều khai báo, nam thanh niên này không biết việc mua bán, tàng trữ chất ma túy, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, biển kiểm soát: 36B8-280.52 thu của V. Quá trình điều tra xác định V mượn của anh Lê Văn N (sinh năm 1997, trú tại thôn F, xã T, huyện T). Anh N không biết việc V sử dụng để đi mua ma túy, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với Lê Văn C, Lê Văn D1 và Đặng Hữu V có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã bị Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Về vật chứng của vụ án: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được đựng trong 02 phong phong bì niêm phong, do Phòng K Công an tỉnh T phát hành; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 216 màu đen, lắp sim số thuê bao số 0814.027.752 (Thu của D1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, lắp sim số thuê bao 0372.586.845 (Thu của C); 01 ví vải màu đen nhãn hiệu PUMA (Thu của C); 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S PLUS, lắp sim số thuê bao

0979.079.354 (Thu của V), hiện đang được quản lý theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSTX ngày 29/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố: Bị cáo Đặng Hữu V về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251; Bị cáo Lê Văn C về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại khoản 1 Điều 251; Bị cáo Lê Văn D1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đặng Hữu V, Lê Văn C và Lê Văn D1 đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Hữu V phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, theo điểm q khoản 2 Điều 251; Bị cáo Lê Văn C phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, theo khoản 1 Điều 251; Bị cáo Lê Văn D1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Đặng Hữu V, xử phạt bị cáo Đặng Hữu V từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Lê Văn C, xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 27 tháng đến 30 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn D1, xử phạt bị cáo Lê Văn D1 từ 20 tháng đến 23 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

+ Tịch thu, tiêu hủy đối với toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định (hiện đang được niêm phong) và 01 ví vải màu đen nhãn hiệu PUMA.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 03 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 216 màu đen, lắp sim số thuê bao số 0814.027.752 (Thu của D1:); 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITTEL, lắp sim số thuê bao 0372.586.845 (Thu của C); 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S PLUS, lắp sim số thuê bao 0979.079.354 (Thu của V). Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo đã sử dụng phạm tội.

Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân theo quy định.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo Đặng Hữu V, Lê Văn C và Lê Văn D1 không tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo đều có ý kiến xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo Đặng Hữu V, Lê Văn C và Lê Văn D1 tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, Kết luận giám định, Dữ liệu điện tử, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Lê Văn C với mục đích mua ma túy về để bán lại cho Phan Xuân H1 kiếm lời. Ngày 15/10/2023 C nhờ Đặng Hữu V chở bằng xe máy đến gặp Lê Văn D1 để nhờ Dẫn mua ma túy. C đưa cho D1 số tiền 1.000.000 đồng và bảo V chở D1 đi. V chở D1 đến công trường đang xây dựng thuộc xã T, huyện T để D1 vào mua ma túy. Sau khi mua được ma túy V chở D1 quay lại khu vực Cầu H, thuộc địa phận Thị trấn T gặp C. Cả nhóm đi xuống khu vực nghĩa địa vắng người, D1 đưa gói ma túy cho C, C mở ra chia cho D1 một ít ma túy để trả công. Số ma túy được chia, D1 mang về nhà và đã sử dụng hết. Số ma túy còn lại C và V đã lấy ra một ít sử dụng. Phần còn lại C nhờ V chở lên khu vực cầu M, thuộc địa phận thị trấn L, huyện T để bán cho Phan Xuân H1, nhưng chưa kịp bán thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Các bị cáo Đặng Hữu V, Lê Văn C và Lê Văn D1 có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội là do cố ý. Trong đó: Lê Văn C phải chịu trách nhiệm ở vai trò là người chủ mưu, thực hành tích cực; Đặng Hữu V giúp sức cho C trong việc mua bán chất ma túy; Lê Văn D1 giúp sức cho C trong việc mua chất ma túy với mục đích để được chia phần sử dụng, D1 không biết mục đích của C mua ma túy về để bán kiếm lời. Riêng đối với Đặng Hữu V đã tái phạm, chưa được xóa án tích, nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là “tái phạm nguy hiểm”;

Như vậy, hành vi của bị cáo Đặng Hữu V đã phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Văn C phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Văn D1 phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c

khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng; Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân các bị cáo cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, các bị cáo cũng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo đã bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo, như vậy mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Đặng Hữu V phải chịu 02 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Các bị cáo Lê Văn C và Lê Văn D1 lần đầu phạm tội; chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đặng Hữu V phạm tội lần này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, tuy nhiên do đã áp dụng làm tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo, nên không áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Các bị cáo Lê Văn C và Lê Văn D1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đặng Hữu V, Lê Văn C và Lê Văn D1 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Văn D1 đã ra đầu thú, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Cần thiết phải xử phạt các bị cáo Đặng Hữu V, Lê Văn C và Lê Văn D1 bằng hình phạt tù, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Tuy nhiên, xét thấy mức án đối với các bị cáo Lê Văn C và Lê Văn D1 theo đề nghị là chưa tương xứng đối với tính chất, mức độ hành vi và vai trò của các bị cáo trong vụ án. Do đó cần áp dụng mức hình phạt cao hơn đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo C và D1. Như vậy mới đảm bảo được tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Đối với thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam sẽ được tính vào thời gian chấp hành hình phạt cho các bị cáo. Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập; hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về vật chứng vụ án:

- Đối với toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định (hiện đang được niêm phong). Đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: 01 ví vải màu đen nhãn hiệu PUMA (thu của C), bị cáo sử dụng đựng chất ma túy, hiện không còn giá trị, không sử dụng được, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 03 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 216 màu đen, lắp sim số thuê bao số 0814.027.752 (Thu của D1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, lắp sim số thuê bao 0372.586.845 (Thu của C); 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S PLUS, lắp sim số thuê bao 0979.079.354 (Thu của V). Xác định đây là công cụ, phương tiện các bị cáo đã sử dụng phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[10] Về tình tiết liên quan vụ án:

- Quá trình điều tra, Lê Văn D1 khai mua ma túy của Hàn Anh T2. Tiến hành làm việc với T2, T2 khai: Ngày 15/10/2023, D1 có gọi điện cho T2 để hỏi mua ma túy nhưng T2 không có ma túy, không gặp và bán ma túy cho D1. Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại của D1 và T2; xác minh tại công trình đang xây dựng cầu bắc qua sông C ở xã T huyện T; tiến hành đối chất giữa D1 và T2, nhưng không chứng minh được việc T2 bán ma túy cho D1, nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với chất ma túy thu giữ được của Hàn Anh T2. Tại Kết luận giám định số 3868/KL-KTHS ngày 24/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,031g, loại Heroine. T2 khai mua chất ma túy với mục đích sử dụng. Bản thân T2 chưa có tiền án, tiền sự; khối lượng chất ma túy thu giữ là dưới 0,1g, nên hành vi của T2 chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T2 về hành vi “tàng trữ trái phép chất ma túy”, là phù hợp.

- Về nguồn gốc số ma túy T2 bị thu giữ khi khám xét khẩn cấp. T2 khai báo mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực đường vắng gần Bệnh viện Đ ở phường Đ, thành phố T với giá 200.000 đồng, mục đích để sử dụng. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, rà soát camera an ninh tại khu vực T2 mua ma túy nhưng không có kết quả về người đàn ông bán ma túy cho T2, nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với Phan Xuân H1 có hành vi thỏa thuận mua ma túy của C, nhưng H1 chưa mua được ma túy thì C đã bị bắt. Bản thân Chinh cũng chưa phân rõ số lượng ma túy sẽ bán cho H1 là bao nhiêu, C cũng chưa nhận tiền từ H1, nên không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với H1.

- Đối với nam thanh niên tên T3, D1 khai chỉ biết tên và địa chỉ ở thị trấn N, huyện T. Qua xác minh tại địa phương không có người tên T3 như D1 khai báo.

Quá trình điều tra, D1, C và V đều khai báo, nam thanh niên này không biết việc mua bán, tàng trữ chất ma túy, nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA, biên kiểm soát: 36B8-280.52 thu của V. Quá trình điều tra xác định V mượn của anh Lê Văn N (sinh năm 1997, trú tại thôn F, xã T, huyện T). Anh N không biết việc V sử dụng để đi mua ma túy, nên Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp, là phù hợp.

- Đối với Lê Văn C, Lê Văn D1 và Đặng Hữu V có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nên đã bị Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, là phù hợp.

[11] Về án phí: Các bị cáo Đặng Hữu V, Lê Văn C và Lê Văn D1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm q khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Hữu V;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn C;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn D1;

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 293; khoản 1 Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Hữu V, Lê Văn C phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; Bị cáo Lê Văn D1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Xử phạt bị cáo Đặng Hữu V 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/10/2023.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn C 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/10/2023.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn D1 26 (hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/10/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được đựng trong 02 phong phong bì niêm phong, do Phòng K Công an tỉnh T phát hành và 01 ví vải màu đen nhãn hiệu PUMA (đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: 03 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 216 màu đen, lắp sim số thuê bao số 0814.027.752; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, lắp sim số thuê bao 0372.586.845; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S PLUS, lắp sim số thuê bao 0979.079.354.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, hiện trạng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 43 ngày 26/02/2024.

3. Về án phí: Các bị cáo Đặng Hữu V, Lê Văn C và Lê Văn D1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tiến